

Bản án số: 382/2024/DS-PT

Ngày: 19 - 8 - 2024

V/v tranh chấp đòi tài sản
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy;

Bà Phạm Ngọc Giàu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**
bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 280/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị [Nguyễn Thị Phương T](#), sinh năm 1984, địa chỉ: [ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#), có mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: bà [Nguyễn Thuý Hải Đ](#) - Luật sư của [V1](#) thuộc [Đoàn luật sư tỉnh T](#), có mặt;

2. Bị đơn: anh [Nguyễn Hoàng V](#), sinh năm 1978; địa chỉ: [ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#), có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh [Nguyễn Trí D](#), sinh năm 1966; địa chỉ: [ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#), có mặt;

- Chị [Hò Thị B](#), sinh năm 1974; địa chỉ: [ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#), có mặt.

Người kháng cáo: Chị [Nguyễn Thị Phương T](#) là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 7 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#) trình bày:

Chị [T](#) và anh [V](#) là anh em ruột, vào năm 2009 cha mẹ chị tặng cho quyền sử dụng đất cho các con, trong đó chị và anh [V](#) cũng được mỗi người một phần. Phần đất của chị có diện tích 396m² thửa số 320, tờ bản đồ số 13, tại [xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#) được [Ủy ban nhân dân huyện D](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP745617 ngày 02/7/2009 do chị và chồng chị là anh [Nguyễn Trí D](#) đứng tên. Phần đất của anh [V](#) được tặng cho giáp đất chị [T](#). Vào thời điểm được tặng cho thì đất không có ranh giới rõ ràng.

Vào khoảng năm 2003 anh [V](#) xây nhà, anh [V](#) xây và sửa nhà nhiều lần. Lúc đầu anh [V](#) xây nhà cấp 4 trên đất của anh [V](#), khoảng năm 2014 anh [V](#) xây tiếp sang phần đất trống giữa hai nhà (nhà chị [T](#) và nhà anh [V](#)) xây bít làm chị [T](#) không mở cửa sổ được nhưng chị không để ý và không biết anh [V](#) xây lấn sang đất của chị nên chị không có ý kiến gì. Khoảng cuối năm 2022 chị [T](#) có nhu cầu cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền thì địa chính đo đạc lại mới biết anh [V](#) xây nhà lấn sang đất của chị [T](#).

Chị [T](#) thống nhất kết quả đo đạc của [Công ty TNHH Đ1](#) đã được [Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện D](#) thẩm định, chị cũng thống nhất kết quả xem xét, thẩm định giá. Chị thống nhất diện tích đất chị tranh chấp với anh [V](#) theo kết quả đo đạc là 26,9m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị và anh [D](#) nên nay chị khởi kiện yêu cầu anh [V](#) trả lại cho chị diện tích đất trên.

Chị [T](#) xác nhận diện tích đất tranh chấp đã được anh [V](#) xây nhà đúng theo hiện trạng đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ nên chị yêu cầu anh [V](#) phải tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất cho chị.

Khi hoà giải tại [Ủy ban nhân dân xã P](#), chị [T](#) nghĩ tình anh em nên đã thống nhất giữ hiện trạng nhà anh [V](#) đã xây dựng để sau này cho cháu chị (con anh [V](#)) sử dụng, anh [V](#) phải ký tên tứ cận cho chị thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận nhưng anh [V](#) cố tình gây khó khăn nên nay chị [T](#) yêu cầu anh [V](#) phải tháo dỡ trả đất cho chị, chị không đồng ý nhận tiền theo giá thị trường đối với diện tích đất anh [V](#) lấn chiếm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh [Nguyễn Hoàng V](#) trình bày:

Anh [V](#) thống nhất lời trình bày của chị [T](#) về nguồn gốc đất do cha mẹ tặng cho vào năm 2009, phần đất của anh có diện tích 399m², thửa đất số 321, tờ bản đồ số 13, tại [xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#) được [Ủy ban nhân dân huyện D](#) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP745615 ngày 02/7/2009 do anh [V](#) và vợ là chị [Hồ Thị B](#) đứng tên. Phần đất của anh giáp đất của chị [T](#).

Vào năm 2003 anh xây nhà và qua nhiều lần xây sửa có được hiện trạng như ngày nay. Anh xây đủ diện tích cha mẹ cho (ngang 7 mét), khi anh chị xây nhà thì vợ chồng chị [T](#) đều biết, anh em phụ nhau nên không có ý kiến phản đối hay tranh chấp gì. Đến cuối năm 2022 chị [T](#) đo đạc phát hiện anh [V](#) lấn đất nên yêu cầu tháo dỡ nhà trả đất lại cho chị [T](#).

Anh [V](#) thống nhất kết quả đo đạc của [Công ty TNHH Đ1](#) đã được [Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện D](#) thẩm định và kết quả xem xét, thẩm định giá của Hội đồng.

Anh thống nhất diện tích đất chị [T](#) tranh chấp với anh theo kết quả đo đạc là 26,9m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị [T](#) và anh [D](#) nên nay chị [T](#) khởi kiện yêu cầu anh [V](#) trả lại cho chị diện tích đất trên thì anh đồng ý. Tuy nhiên hiện nay toàn bộ diện tích đất tranh chấp anh [V](#) đã xây nhà kiên cố, do lúc xây dựng thì anh cũng không biết anh đã lấn sang đất của chị [T](#) vì hiện trạng đất cha mẹ cho nên không có ranh giới, nhắm hướng mà xây, anh xây đúng diện tích cha mẹ tặng cho nhưng bị lệch vị trí so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp; trong khi chị [T](#) cũng không có ý kiến. Nay nguyện vọng của anh xin giữ nguyên hiện trạng, định giá diện tích đất lấn chiếm theo giá thị trường anh sẽ hoàn tiền lại cho vợ chồng chị [T](#).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến:

Anh [Nguyễn Trí D](#) thống nhất lời trình bày của chị [Nguyễn Thị Phương T](#);

Chị [Hò Thị B](#) thống nhất lời trình bày của anh [Nguyễn Hoàng V](#);

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#) về “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất” đối với anh [Nguyễn Hoàng V](#), chị [Hò Thị B](#).

Buộc anh [Nguyễn Hoàng V](#), chị [Hò Thị B](#) có trách nhiệm hoàn lại cho chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#) số tiền tương đương giá trị quyền sử dụng đất đã lấn chiếm 26,9m² theo giá thị trường là 88.770.000 (tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Anh [Nguyễn Hoàng V](#), chị [Hò Thị B](#) được quyền quản lý, sử dụng và được kê khai cấp giấy đối với diện tích 26,9m² (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Kiến nghị [Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh T](#) thu hồi và cấp lại cho phù hợp với hiện trạng sử dụng đối với hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 320, tờ bản đồ số 13, tại [xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#) được [Ủy ban nhân dân huyện D](#) cấp số AP745617 ngày 02/7/2009 do chị [Nguyễn Thị Phương T](#) anh [Nguyễn Trí D](#) đứng tên và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 321, tờ bản đồ số 13, tại [xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#) được [Ủy ban nhân dân huyện D](#)

cấp số AP745615 ngày 02/7/2009 do anh [Nguyễn Hoàng V](#) và chị [Hò Thị B](#) đứng tên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27-5-2024, nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#) kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận cho chị [T](#) được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất là 26,9m², buộc anh [V](#) tháo dỡ nhà tạm giao trả diện tích đất là 26,9m².

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị [T](#) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị anh [Nguyễn Hoàng V](#) chị [Hò Thị B](#) trả lại cho vợ chồng chị diện tích đất 26,9m², thửa 321, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại [xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#).

- Bị đơn anh [Nguyễn Hoàng V](#) trình bày anh không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh [Nguyễn Trí D](#) có mặt tại phiên tòa phúc thẩm trình bày đồng ý với ý kiến của chị [T](#).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị [Hò Thị B](#) có mặt tại phiên tòa phúc thẩm trình bày đồng ý với ý kiến của anh [V](#).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy :

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#) kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#) khởi kiện yêu cầu anh [V](#) trả lại diện tích đất diện tích 26,9 m², thửa số 321, tờ bản đồ số 13, tại [xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#) được [Ủy ban nhân dân huyện D](#) cấp số AP745615 ngày 02/7/2009 do chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#) đứng tên.

[2.2] Bị đơn anh [Nguyễn Hoàng V](#) trình bày: chị [T](#) khởi kiện yêu cầu anh [V](#) trả lại cho chị diện tích đất trên thì anh đồng ý. Tuy nhiên hiện nay toàn bộ diện tích đất tranh chấp anh [V](#) đã xây nhà kiên cố, do lúc xây dựng thì anh cũng không biết anh đã lấn sang đất của chị [T](#) vì hiện trạng đất cha mẹ cho nên không có ranh giới, nhầm hướng mà xây, anh xây đúng diện tích cha mẹ tặng cho nhưng bị lệch vị trí so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp; trong khi chị [T](#) cũng không có ý kiến. Nay nguyện vọng của anh xin giữ nguyên hiện trạng, định giá diện tích đất lấn chiếm theo giá thị trường để anh sẽ hoàn tiền lại cho vợ chồng chị [T](#).

[3] Xét kháng cáo của chị [Nguyễn Thị Phương T](#), Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ kết quả đo đạc của [Công ty TNHH Đ1](#) thực hiện và đã được [Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 chi nhánh Huyện D](#) thẩm định (bút lục số 61) xác định diện tích đất tranh chấp là 26,9m², thuộc thửa 320, tờ bản đồ số 13, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#), cấp ngày 02/7/2009, nguồn gốc đất là do cha, mẹ ruột của chị [T](#) và anh [V](#) chia cho, các bên đương sự đều thống nhất phần đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị [T](#) và anh [D](#), anh [V](#), chị [B](#) xây nhà đã lấn sang phần diện tích đất này. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Tuy nhiên, chị [Nguyễn Thị Phương T](#) không đồng ý nhận số tiền giá trị phần đất anh [V](#) lấn chiếm là 88.770.000 đồng, mà chị yêu cầu anh [V](#) trả lại cho chị diện tích đất thực tế đã lấn chiếm là 26,9m² thấy rằng phần đất anh [V](#) lấn chiếm của chị [T](#) trên đất có một phần bờ tường anh [V](#) xây từ năm 2014, một phần sử dụng chung bức tường nhà của nhà chị [T](#) phía trên anh [V](#) lợp mái tôn giáp bờ tường nhà chị [T](#) không phải là kết cấu của một căn nhà, tiếp đến là khu vệ sinh và nhà tắm (kích thước cụ thể được thể hiện qua kết quả đo vẽ của [Công ty TNHH Đ1](#)) riêng căn nhà cấp 4 được anh [V](#) cất từ năm 2003 không nằm trong diện tích đất tranh chấp, phần nhà chấp vấp được anh [V](#) xây dựng từ năm 2014 sau khi anh [V](#) được cha, mẹ cho, được xây bằng gạch chứ không phải bằng kết cấu bê tông cốt thép. Hơn nữa phần diện tích đất anh [V](#) lấn nằm ngay giữa thửa đất của chị [T](#) chiều ngang anh [V](#) lấn có chỗ 1,81m, tổng diện tích lấn chiếm là 26,9m² là lớn, nếu giữ nguyên hiện trạng như bản án sơ thẩm sẽ làm mất đi giá trị của thửa đất của chị [T](#), gây thiệt thòi cho nguyên đơn và tạo tiền lệ xấu trong nhân dân, hơn nữa bố, mẹ của chị [T](#) và anh [V](#) là ông [Nguyễn Văn H](#), bà [Trần Thị L](#) là người đã cho chị [T](#) và anh [D](#) các diện tích đất này đều yêu cầu vợ chồng anh [V](#) trả lại đúng hiện trạng đất mà ông bà cho chị [T1](#) là ngang 7m dài hết đất, bên cạnh đó nếu giữ nguyên hiện trạng thì anh [V](#) đang sử dụng bức tường nhà chị [T](#) làm tường nhà anh [V](#) sẽ không thi hành án được.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị [Nguyễn Thị Phương T](#); sửa bản án sơ thẩm buộc anh [Nguyễn Hoàng V](#), chị [Hò Thị B](#) di dời hoặc phá bỏ toàn bộ toàn bộ tài

sản trên phần diện tích đất anh [V](#), chị [B](#) lần chiếm để trả lại cho chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#) diện tích 26,9m² thuộc thửa 320, tờ bản đồ số 13 đất toạ lạc tại [ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#) đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP745617 ngày 02/7/2009 do chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#) đứng tên (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm dân sự: do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của chị [Nguyễn Thị Phương T](#), anh [Nguyễn Trí D](#) được chấp nhận nên chị [T](#), anh [D](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị [T](#) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013835 ngày 28-9-2023 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007762 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Anh [Nguyễn Hoàng V](#) và chị [Hồ Thị Ba p](#) chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

[7] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu khởi kiện của chị [T](#) và anh [D](#) được chấp nhận nên anh [V](#) và chị [Ba p](#) chịu 24.100.000 đồng chi phí tố tụng sơ thẩm và 2.000.000 đồng chi phí tố tụng phúc thẩm tổng cộng 26.100.000 đồng, do chị [T](#), anh [D](#) đã ứng nộp xong nên anh [V](#), chị [Ba p](#) có nghĩa vụ hoàn trả cho chị [T](#), anh [D](#) số tiền 26.100.000 đồng chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Phương T](#).

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 59/2024/DS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 166, 500, 501, 502 của Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Nguyễn Thị Phương T](#) về việc “Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất” với anh [Nguyễn Hoàng V](#).

- Buộc anh [Nguyễn Hoàng V](#), chị [Hồ Thị B](#) có trách nhiệm trả cho chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và anh [Nguyễn Trí D](#) phần đất diện tích 26,9 m² thuộc thửa số 320, tờ bản đồ số 13, tại [ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh](#); theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP745617 ngày 02/7/2009 cấp cho chị [Nguyễn Thị Phương T](#) và chồng chị là anh [Nguyễn Trí D](#) đứng tên (có Bản đồ chi tiết kèm theo).

- Anh Nguyễn Hoàng V và chị Hồ Thị Ba p tháo dỡ di dời các tài sản trên diện tích đất trên để trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương T và anh Nguyễn Trí D diện tích đất nói trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị I, anh D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Phương T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013835 ngày 28-9-2023 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007762 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Nguyễn Hoàng V và chị Hồ Thị Ba p chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng:

Anh Nguyễn Hoàng V và chị Hồ Thị B có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Phương T 26.100.000 (hai mươi sáu triệu, một trăm nghìn) đồng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND huyện DMC;
- Chi cục THADS huyện DMC;
- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu VP TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam